

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2020/HC-PT
Ngày: 21/7/2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Hải Vân

2. Bà Lê Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân TP. HCM.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 6 năm 2020, ngày 01 tháng 7 năm 2020, ngày 15 tháng 7 năm 2020 và ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân TP. HCM đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2433/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Huỳnh Văn H. , sinh năm 1971.

1.2. Bà Trần Thị Thanh T. , sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số 07, đường Bùi Thế Mỹ, Phường 10, quận Tân B. , TP. HCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn Th. , địa chỉ: Số 200/19, đường Nguyễn Hữu T. , phường Tây Th. , quận Tây Th. , TP. HCM, thuộc Văn phòng luật sư Phạm Nguyễn, Đoàn luật sư TP. HCM.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND Quận 12.

2.2. UBND Quận 12.

Địa chỉ: Số 01, đường Lê Thị Riêng, phường Thới A., Quận 12, TP. HCM.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ. , chức vụ Phó Chủ tịch UBND Quận 12, là người đại diện theo ủy quyền của UBND Quận 12 (Giấy ủy quyền số 994/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND Quận 12).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Nguyễn Tiến Đ. , chức vụ Phó Trưởng Phòng tài nguyên và môi trường Quận 12 theo Quyết định số 7103/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND Quận 12.

- Ông Đoàn Nguyễn Đức T. , chức vụ Phó Trưởng Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng Quận 12, theo Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND Quận 12.

3. *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2011 kèm theo tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số 18/4B, khu phố 5, phường Tân Thới Nh. , Quận 12, TP. HCM có diện tích xây dựng là 72,2m², kết cấu tường gạch, mái tole, 01 tầng, được xây trên phần đất ở diện tích 450,8m², thuộc thửa 364-1, tờ bản đồ 4H (sơ đồ nền), phường Tân Thới Nh. , theo Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở, hồ sơ gốc số 1642 do UBND Quận 12 cấp ngày 02/12/2002 cho ông Nguyễn Du và bà Trần Diệu Thảo.

Ngày 30/12/2002, ông Du và bà Thảo ký hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà đất nêu trên cho ông Trần Văn Tân. Ngày 26/4/2004, ông Tân ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Trần Thị Bích Ng. . Ngày 05/5/2004, ông Nguyễn Duy M. và bà Trần Thị Bích Ng. ký hợp đồng bán nhà ở cho ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. , có công chứng số 4388/HĐ.MBN ngày 05/5/2004 tại Phòng Công chứng số 5, TP. HCM và đăng bộ sang tên vào ngày 13/5/2004.

Ngày 06/12/2010, UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 2863/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở hồ sơ gốc số 1642 (*sau đây viết tắt là Quyết định 2863*). Quyết định số 2863/QĐ-UBND được điều chỉnh bởi Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 (*sau đây viết tắt là Quyết định 869*).

Ngày 26/7/2011, UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 1036/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và bàn giao mặt bằng đối với hộ ông Huỳnh Văn H. bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và Depot Tham Lương tại phường Tân Thới Nh. , Quận 12 (*sau đây viết tắt là **Quyết định 1036***). Quyết định số 1036/QĐ-UBND được điều chỉnh bởi Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 (*sau đây viết tắt là Quyết định 1894*). Cả hai

quyết định này được Ban bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho bà Tâm vào ngày 05/12/2011.

Trong nội dung Điều 1 của Quyết định 1036 xác định hộ ông Hảo có diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án là 507,1m², thuộc thửa số 363, tờ bản đồ 04 (Tài liệu 02/CT-UB), kèm theo Bảng chiết tính bồi thường ngày 18/7/2011 lại liệt kê tổng diện tích đất bị ảnh hưởng dự án là 499,7m², trong đó diện tích đất ở là 69,9m², còn diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là 429,8m².

Đầu năm 2018, ông Hảo và bà Tâm đã nhận số tiền bồi thường là 519.161.720 đồng cùng với một nền tái định cư, đồng thời đã bàn giao nhà đất cho chủ đầu tư dự án. Tuy nhiên, việc UBND Quận 12 ban hành Quyết định 1642 là không có căn cứ cũng như Chủ tịch UBND Quận 12 không có cơ sở để xác định diện tích đất ở là 69,9m² /450,8m², làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hảo, bà Tâm trong việc được nhận tiền đền bù đúng diện tích, đúng giá trị đất tại thời điểm thực hiện đền bù, nên ông Hảo và bà Tâm khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy bỏ hai Quyết định số 2863 và số 869 của UBND Quận 12, hủy bỏ hai Quyết định số 1036 và số 1894 của Chủ tịch UBND Quận 12, yêu cầu UBND Quận 12 phải ban hành Quyết định thu hồi đất và thực hiện đền bù tất cả diện tích đất 450,8m² theo loại đất ở với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

Người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản số 8433/UBND ngày 05/11/2018 như sau:

Ngày 02/12/2002, ông Du và bà Thảo được UBND Quận 12 cấp Giấy chứng nhận số 1642 thuộc phường Tân Thới Nh. . Năm 2002, ông Du tặng cho nhà đất cho ông Trần Văn Tân. Ông Tân chuyển nhượng cho bà Trần Thị Bích Ng. , bà Nguyệt chuyển nhượng cho ông Hảo, bà Tâm với diện tích đất 450,8m² , diện tích nhà 72,2m² . Phần đất thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu 02/CT-UB) đã được UBND Quận 12 cấp Giấy chứng nhận số 00025 QSDĐ/Q12/1998 ngày 28/9/1998 cho bà Phạm Thị Đẹt. Tuy nhiên, trong phần xác nhận của UBND phường Tân Thới Nh. trên đơn xin cấp Giấy chứng nhận của ông Du không xác nhận nội dung này. Do đó, khi Phòng Quản lý đô thị quận tham mưu cho UBND quận cấp Giấy chứng nhận số 1642 cho ông Nguyễn Du không đề cập đến việc bổ sung Giấy chứng nhận của bà Phạm Thị Đẹt để ghi giảm Giấy chứng nhận theo quy định.

Việc UBND phường Tân Thới Nh. không xác nhận đầy đủ nguồn gốc đất theo quy định dẫn đến tình trạng một phần đất được cấp 02 Giấy chứng nhận là không đúng quy định. Ngoài ra, trong “Giấy tay sang nhượng đất” giữa bà Phạm Thị Đẹt và bà Trần Thị Diệu Thảo lập ngày 10/10/1998 ghi sang nhượng lô đất thuộc thửa 363, tờ số 4, nhưng UBND quận cấp Giấy chứng nhận cho bà Thảo và ông Du thửa số 364, tờ số 4 là không đúng, nên ngày 06/12/2010 UBND Quận 12 ban hành Quyết định số 2863 là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Hảo khiếu nại Quyết định số 2863 nên ngày 15/8/2011 Chủ tịch UBND Quận 12 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 44/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Hảo (*sau đây viết tắt là Quyết định 44*).

Qua đo đạc thực tế, hộ ông Hảo bà Tâm có diện tích 507,1m² đất bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và Depot Tham Lương, phường Tân Thới Nh. , thuộc thửa 363, tờ bản đồ số 4, tài liệu 02, theo Bản đồ

hiện trạng vị trí số hợp đồng 19504-21/ĐĐBĐ-VPQ12 ngày 01/4/2010. Khi đo vẽ thì chủ đất có chỉ ranh nhưng khi chuyển bản vẽ cho chủ đất thì chủ đất thấy chênh lệch nên không ký. Phần đất 507,1m² có căn nhà diện tích 69,9m² được xây dựng năm 2000, còn lại là đất trống và có 7,4m² thuộc đường. Căn cứ vào hiện trạng và quá trình sử dụng đất, phương án bồi thường được phê duyệt, tổng số tiền bồi thường cho hộ ông Hảo, bà Tâm theo Quyết định số 1036 là 519.161.720 đồng, trong đó, diện tích đất ở được bồi thường là 69,9m² với đơn giá 4.400.000đồng/m², diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm được bồi thường là 429,8m² với đơn giá 360.000đồng/m², do đó, Quyết định số 1036 được ban hành đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. ;

2. Giữ nguyên các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND Quận 12 về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở hồ sơ gốc số 1642 do UBND Quận 12 cấp ngày 02/12/2002 cho ông Nguyễn Du và bà Trần Diệu Thảo, đã đăng bộ cho ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. , nhà đất thuộc phường Tân Thới Nh. ;

Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND Quận 12 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND Quận 12;

Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 26/7/2011 của Chủ tịch UBND Quận 12 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và bàn giao mặt bằng đối với hộ ông Huỳnh Văn H. bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và Depot Tham Lương tại phường Tân Thới Nh. , Quận 12;

Quyết định số 1894/ QĐ-UBND-BT ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND Quận 12 về việc điều chỉnh bổ sung quyết định số 1036/QĐ-UBND-BT ngày 26/7/2011 của Chủ tịch UBND Quận 12.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 12 nhận được đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người kháng cáo và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo trình bày lý do kháng cáo như sau:

Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, không đúng sự thật vụ việc, áp dụng Luật đất đai năm 2013 là không đúng quy định pháp luật. Ông Hảo và bà Tâm kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định và bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo giấy chứng nhận là 450,8m² với đơn giá đất ở. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hảo và bà Tâm cùng có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 44 ngày 15/8/2011 của Chủ tịch UBND Quận 12.

Người bị kiện có đơn đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt theo văn bản số 11659/UBND-BT ngày 04/11/2019 và cung cấp các văn bản số 11660/UBND-BT ngày 04/11/2019, số 204/UBND-TNMT ngày 07/1/2020 và số 4361/UBND-TNMT ngày 11/6/2020 ý kiến về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện như sau:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hảo và bà Tâm, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc ban hành các Quyết định hành chính bị khiếu kiện của người bị kiện là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung.

Việc UBND Quận 12 cấp giấy chứng nhận cho ông Du bà Thảo là chưa phù hợp quy định pháp luật tại: (1) Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP quy định đất ở là đất để xây dựng nhà ở và các công trình xây dựng khác, nhưng giấy chứng nhận cấp 450,8m² đất ở là không đúng vì chỉ có 72,2m² trên phần đất có nhà mới tính là đất ở; (2) Mục 4.2 Chỉ thị số 18/2002/CT-UB ngày 22/8/2002 của UBND TP. HCM quy định hiện trạng có nhà thì cấp nhà, đất trống thì cấp là đất nông nghiệp; (3) Điều 10 Quyết định 38/2000/QĐ-UB-ĐT ngày 19/6/2000 của UBND TP. HCM quy định người xin cấp giấy chứng nhận phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc gian dối khi khai trình nhà đất, nên khi bà Thảo mua bán đất với bà Đẹt bằng giấy viết tay là thửa số 363 nhưng khi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì ông Du bà Thảo kê khai thành thửa số 364 là không đúng; (4) Điều 3 Quyết định 38/2000/QĐ-UB-ĐT ngày 19/6/2000 của UBND TP. HCM và Điểm 2d Phần I Thông tư 1417/1999/TT-TCĐC ngày 18/9/1999 quy định khi có thay đổi về chủ sử dụng, diện tích, loại đất... thì trường hợp cấp giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trước đó; (5) Quyết định số 64/2001 của UBND TP. HCM quy định hạn mức đất ở tại Quận 12 là không vượt quá 200m² nhưng giấy chứng nhận lại cấp 450,8m² đất ở là sai.

Trường hợp của ông Hảo bà Tâm cũng tương tự trường hợp bà Nguyễn Thị Mộng Thúy, theo đó Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 5247 ngày 26/9/2018 phúc đáp Công văn số 5845 ngày 13/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. HCM cũng nhận định việc cấp giấy chứng nhận này chưa phù hợp quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến như sau: Đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận được căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP thu hồi giấy chứng nhận đã cấp

trái luật trong trường hợp do cơ quan cấp phát hiện và báo cho cơ quan Thanh tra cùng cấp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58 và Điều 153 Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Các quyết định hành chính bị khiếu kiện có sai sót dẫn đến Quyết định giải quyết khiếu nại số 44 có liên quan mà Tòa cấp sơ thẩm không xem xét và Tòa cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân TP. HCM giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 15/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 12 nhận được đơn của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, là còn trong thời hạn luật định theo Khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, phù hợp với ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét việc người bị kiện UBND Quận 12 đề nghị tiến hành thủ tục tố tụng vắng mặt theo văn bản số 11659/UBND-BT ngày 04/11/2019 là phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM cho rằng Thẩm phán được phân công giải quyết phúc thẩm vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là có cơ sở, nên Thẩm phán cần phải rút kinh nghiệm.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của ông Hảo và bà Tâm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau:

[4.1] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân Quận 12 đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính năm 2011, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4.2] Về xác định thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện nhận được Quyết định 2863 vào ngày 10/1/2011, nhận quyết định 869 vào ngày 19/7/2011, nhận hai quyết định 1036 và 1894 cùng vào ngày 05/12/2011, tính đến ngày 05/12/2011 người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định này là còn trong

thời hiệu khởi kiện theo Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010. Tòa cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là đúng.

[4.3] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Hảo và bà Tâm hủy các Quyết định số 2863, 869 của UBND Quận 12 và các Quyết định số 1036, 1894 của Chủ tịch UBND Quận 12 nên Tòa cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND Quận 12 và Chủ tịch UBND Quận 12 là đúng theo Khoản 7 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010.

[4.4] Về ủy quyền tham gia tố tụng của hai người bị kiện là UBND Quận 12 và Chủ tịch UBND Quận 12 nhưng trong hồ sơ vụ án chỉ có một giấy ủy quyền số 994/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND Quận 12 ủy quyền cho Phó Chủ tịch đại diện cho người bị kiện là UBND Quận 12, và trong nội dung ủy quyền ghi tham gia tố tụng mà không rõ tham gia như thế nào theo Khoản 5 Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, đồng thời, hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện có ủy quyền và cử người bảo vệ cho người bị kiện là Chủ tịch UBND Quận 12.

[4.5] Về thẩm quyền ban hành hai Quyết định số 1036 và 1894 của Chủ tịch UBND Quận 12 là không đúng theo Luật đất đai năm 2003 và Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP quy định thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thuộc UBND Quận 12.

[4.6] Về nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Xét các quy định pháp luật mà người bị kiện UBND Quận 12 nêu trong văn bản số 204/UBND-TNMT ngày 07/01/2020 gửi cho Tòa án để xác định việc cấp giấy chứng nhận cho ông Du, bà Thảo là chưa phù hợp, nhưng các quy định này lại không được đề cập trong quyết định thu hồi giấy chứng nhận, đồng thời việc cấp giấy chứng nhận này là chưa phù hợp hay trái pháp luật cũng chưa được UBND Quận 12 xác định rõ.

Xét các căn cứ được nêu trong quyết định thu hồi giấy chứng nhận thể hiện căn cứ vào Nghị định số 88/2009 và Kết luận thanh tra số 78 ngày 18/10/2010 của Thanh Tra Quận 12, cụ thể:

Theo ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện thì căn cứ vào Nghị định số 88/2009/NĐ-CP tại Điểm b Khoản 2 Điều 25 như sau: “...Nếu qua thẩm tra có kết luận là giấy chứng nhận cấp trái pháp luật thì cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp...”;

Theo Thông báo số 78 ngày 18/10/2010 của Thanh tra Quận 12 kết luận về việc thẩm tra trong đó có giấy chứng nhận cấp cho ông Du, bà Thảo nhận xét như sau: “Phần đất thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 4 (tài liệu 02/CT-UB) đã được UBND Quận 12 cấp GCN số 00025 QSDĐ/Q12/1998 ngày 28/9/1998 cho bà Phạm Thị Đẹt. Tuy nhiên, trong phần xác nhận của UBND phường Tân Thới Nh. trên đơn xin cấp GCN của ông Du không xác nhận nội dung này. Do đó, khi phòng quản lý đô thị quận tham mưu cho UBND quận cấp GCN số 1642 cho ông Nguyễn Du không đề cập đến việc bổ sung GCN của bà Phạm Thị Đẹt để ghi giảm GCN theo quy định.

Nhận xét: Việc UBND phường Tân Thới Nh. không xác nhận đầy đủ nguồn gốc đất theo quy định. Việc này dẫn đến tình trạng 01 phần đất được cấp 02 GCN là không đúng quy định.

Ngoài ra, trong giấy tay sang nhượng đất giữa bà Phạm Thị Đẹt và bà Trần Thị Diệu Thảo lập ngày 10/10/1998 ghi sang nhượng lô đất thuộc thửa 363, tờ số 4 nhưng UBND quận cấp GCN cho bà Thảo và ông Du là thửa 364, tờ 4, là không đúng.”

Tuy nhiên, trong kết luận thanh tra này cũng không nêu việc cấp giấy chứng nhận có trái pháp luật theo Điểm b Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009 hay không, có phù hợp với các căn cứ quy định pháp luật mà người bị kiện UBND Quận 12 nêu tại Công văn số 204/UBND-TNMT ngày 07/01/2020 gửi cho Tòa án hay không.

[4.7] Về thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 như sau:

“2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

a) Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;

b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy;

Căn cứ vào quy định nêu trên thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Việc Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 trong phần quyết định của bản án sơ thẩm là không phù hợp vì vụ việc thu hồi giấy chứng nhận và bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Huỳnh Văn H. được giải quyết trong thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực, nên ý kiến của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo nêu ra là có cơ sở.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và giữ nguyên các quyết định của người bị kiện bị khiếu kiện là không phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nêu trên chỉ quy định bác yêu cầu khởi kiện, không quy định được giữ nguyên các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

[4.8] Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 44: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, sau khi có Quyết định 2863 thì ông Hảo bà Tâm đã tiến hành khiếu nại quyết định này và được Chủ tịch UBND Quận 12 giải quyết bằng Quyết định số 44 nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét. Do vấn đề này Tòa cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được vì phải đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 11 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4.9] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM về giải quyết yêu cầu kháng cáo là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên.

[5]- Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

1- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. và bà Trần Thị Thanh T. .

2- Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân TP. HCM xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3- Về án phí:

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn H. số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0045107 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, TP. HCM.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được xét xử sơ thẩm lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hải